

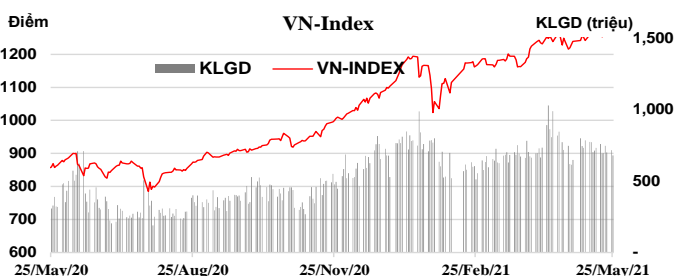
| Kỳ hạn | Lãi suất LNH | | | | Trái phiếu | | |
|--------|--------------|-------|------|-------|------------|----------|--------|
| | VND | D/D | USD | D/D | Kỳ hạn | Lợi suất | D/D |
| ON | 1.38 | 0.13 | 0.15 | 0.00 | 3Y | 0.87 | 0.108 |
| 1W | 1.48 | 0.15 | 0.19 | 0.00 | 5Y | 1.12 | -0.005 |
| 2W | 1.54 | 0.12 | 0.24 | -0.01 | 7Y | 1.37 | -0.033 |
| 1M | 1.60 | 0.06 | 0.34 | 0.00 | 10Y | 2.31 | -0.021 |
| 2M | 1.70 | 0.03 | 0.41 | 0.00 | 15Y | 2.57 | -0.013 |
| 3M | 1.74 | 0.02 | 0.50 | -0.01 | | | |
| 6M | 1.94 | 0.04 | 0.78 | -0.03 | | | |
| 9M | 2.49 | -0.02 | 1.10 | -0.01 | | | |
| 1Y | 3.14 | 0.11 | 1.18 | -0.01 | | | |

Nguồn: Reuters

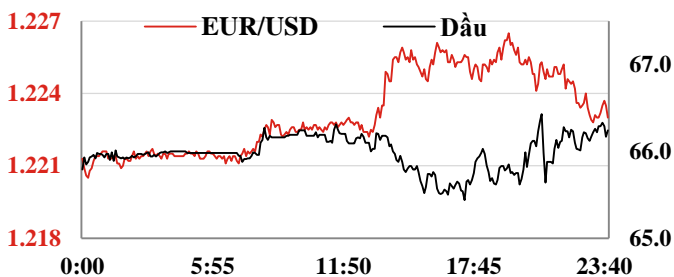
Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

| Ngày | Phiên | Kỳ hạn (ngày) | Lãi suất (%) | KL gọi thầu | KL trúng | KL đến hạn | Bơm/hút ròng | KL lưu hành |
|----------|-------|---------------|--------------|-------------|----------|------------|--------------|-------------|
| 25-05-21 | 1 | 7 | 2.50 | 1,000 | - | - | - | - |
| 24-05-21 | 1 | 7 | 2.50 | 1,000 | - | - | - | - |
| 21-05-21 | 1 | 7 | 2.50 | 1,000 | - | - | - | - |

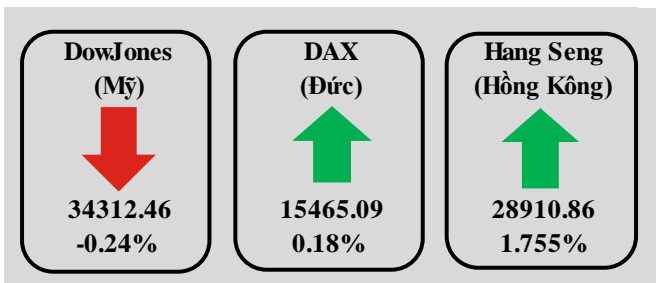
| | VN-Index | HNX-Index | Upcom |
|------------------|----------|-----------|--------|
| Điểm | 1308.58 | 301.59 | 82.91 |
| %/ngày | 0.82% | 0.42% | 0.34% |
| %/31/12/2020 | 18.54% | 48.5% | 11.4% |
| KLGD (tr.d.vi) | 679.06 | 116.14 | 57.8 |
| GTGD (tỷ đ) | 21246.34 | 2579.67 | 933.13 |
| NĐINN mua (tỷ đ) | 1152.84 | 27.54 | 1.11 |
| NĐINN bán (tỷ đ) | 1237.21 | 55.60 | 0.77 |


Tin trong nước ngày 25/05

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 25/05, tỷ giá trung tâm được NHNN niêm yết ở mức 23.158 VND/USD, giảm nhẹ 02 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.803 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.058 VND/USD, tăng nhẹ 03 đồng so với phiên 24/05. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở chiều mua vào trong khi tăng 10 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.230 - 23.280 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 25/05, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng mạnh 0,06 – 0,15 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,38%; 1W 1,48%; 2W 1,54% và 1M 1,60%. Trong khi đó, lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 2W, giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,19%; 2W 0,24%, 1M 0,34%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tiếp tục tăng ở kỳ hạn 3Y và giảm ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên tại: 3Y 0,87%; 5Y 1,12%; 7Y 1,37%; 10Y 2,31%; 15Y 2,57%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường tiếp tục tích cực với cả 3 sàn tràn ngập sắc xanh và VN-Index chốt phiên trên 1.300 điểm. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 10,6 điểm (+0,82%) lên 1.308,58 điểm; HNX-Index tăng 1,26 điểm (+0,42%) lên 301,59 điểm; UPCoM-Index tăng 0,28 điểm (+0,34%) lên 82,91 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm so với phiên đầu tuần nhưng vẫn ở mức rất cao với tổng giá trị giao dịch đạt gần 24.800 tỷ đồng. Giao dịch khối ngoại không còn quá tiêu cực như ở các phiên trước với khối lượng bán ròng gần 113 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 có tổng vốn ngân sách là 2,87 triệu tỷ đồng, tăng 120 nghìn tỷ so với dự kiến trước đó.** Phần tăng thêm này được lấy từ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang đầu tư công, không làm tăng tổng chi ngân sách. Bên cạnh đó, số lượng dự án được rà soát, cắt giảm từ con số 6.447 xuống còn khoảng 5.397 dự án và còn có thể được tiếp tục cắt giảm sau khi các bộ, ngành địa phương rà soát và báo cáo lại Thủ tướng Chính phủ.



| | 25 May 21 | Ngày (%) | Tuần (%) | Đầu năm (%) |
|-------------------|-----------|----------|----------|-------------|
| USD index | 89.64 | -0.23% | -0.12% | -0.33% |
| USD/CNY | 6.41 | -0.12% | -0.23% | -1.76% |
| USD/EUR | 0.82 | -0.29% | -0.24% | -0.30% |
| USD/JPY | 108.76 | 0.02% | -0.11% | 5.35% |
| USD/KRW | 1122.36 | -0.10% | -0.41% | 3.49% |
| USD/SGD | 1.33 | -0.13% | -0.28% | 0.36% |
| USD/TWD | 27.89 | -0.15% | -0.22% | -0.67% |
| USD/THB | 31.34 | 0.06% | -0.19% | 4.33% |
| USD/VND Trung tâm | 23158 | -0.01% | -0.05% | 0.12% |
| USD/VND LNH | 23058 | 0.01% | 0.04% | -0.13% |
| USD/VND tự do | 23230 | 0.00% | 0.13% | -0.30% |
| Vàng | 1899.26 | 0.97% | 1.66% | 0.15% |
| Dầu | 66.07 | 0.03% | 0.89% | 36.17% |



| Kỳ hạn | LIBOR | | SIBOR | |
|--------|--------|---------|--------|--------|
| | USD | TĐ | USD | TĐ |
| ON | 0.0606 | 0.0014 | | |
| SW | 0.0618 | -0.0005 | | |
| 1M | 0.0900 | -0.0010 | 0.2650 | 0.0000 |
| 2M | 0.1169 | -0.0034 | | |
| 3M | 0.1385 | -0.0024 | 0.4361 | 0.0000 |
| 6M | 0.1768 | 0.0001 | 0.5923 | 0.0000 |
| 1Y | 0.2560 | -0.0022 | 0.0000 | 0.0000 |

Số liệu SIBOR ngày 24/05/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

| NHTW | Đồng tiền | Kỳ trước | Kỳ này | Ngày thay đổi | Cuộc họp tới |
|-----------|-----------|----------|--------|---------------|--------------|
| Mỹ | USD | 1,25% | 0,25% | 15/03/2020 | 10/06/2021 |
| Châu Âu | EUR | 0,5% | 0,00% | 10/03/2016 | 10/06/2021 |
| Anh | GBP | 0,25% | 0,10% | 19/03/2020 | 24/06/2021 |
| Nhật | JPY | 0,10% | -0,10% | 28/01/2016 | 16/06/2021 |
| Australia | AUD | 0,25% | 0,10% | 03/11/2020 | 01/06/2021 |

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Mỹ ghi nhận một số thông tin kinh tế đáng chú ý.** Đầu tiên, niềm tin tiêu dùng của nước này do Conference Board khảo sát đạt mức 117,2 điểm trong tháng 5, giảm nhẹ từ mức 117,5 điểm của tháng trước đó và trái với dự báo tăng lên thành 119,4 điểm của các chuyên gia. Trong đó, chỉ số “niềm tin hiện tại” tăng từ 131,9 điểm lên 144,3 điểm; tuy nhiên chỉ số “kỳ vọng trong ngắn hạn” lại giảm từ 107,9 xuống còn 99,1 điểm. Nguyên nhân do người tiêu dùng thấy sự phục hồi chậm chạp của thị trường lao động, trong khi chỉ số CPI liên tục tăng theo tháng. Tiếp theo, giá nhà tại nước Mỹ tăng 1,4% m/m trong tháng 3, nối tiếp đã tăng 0,4% của tháng trước đó và khớp với dự báo. Như vậy, so với cùng kỳ năm 2020, giá nhà tại quốc gia này đã tăng hơn 15%.
- Nước Đức đón một số thông tin kinh tế trái chiều.** Về tiêu cực, GDP của nước này chính thức giảm 1,8% q/q trong quý I/2021 sau khi tăng 0,3% ở quý trước đó, sâu hơn mức giảm 1,7% theo thống kê sơ bộ. Theo đó, GDP quốc gia này giảm 3,4% so cùng kỳ năm ngoái, và ở mức thấp hơn so với trước khi bị tác động bởi đại dịch khoảng 5,0%. Về thông tin tích cực, Ifo khảo sát cho biết niềm tin kinh doanh của Đức ở mức 99,2 điểm trong tháng 5, tăng lên từ 96,6 điểm của tháng trước đó và vượt qua mức 98,2 điểm theo dự báo.
- Cán cân thương mại hàng hóa Úc thặng dư khá lớn trong tháng 4.** Văn phòng Thống kê Úc cho biết cán cân thương mại hàng hóa nước này thặng dư 10,1 tỷ AUD trong tháng vừa qua, cao hơn mức thặng dư 8,2 tỷ của tháng trước đó, và đồng thời cao nhất trong vòng một năm trở lại đây. Nguyên nhân do giá trị xuất khẩu của nước này trong tháng 4 đi ngang so với tháng 3, cùng ở mức 35,9 tỷ AUD; trong khi đó kim ngạch nhập khẩu tháng 4 chỉ đạt 25,8 tỷ AUD, thấp hơn so với mức 27,7 tỷ AUD của tháng trước đó. Thị trường dự báo lĩnh vực xuất nhập khẩu của Úc sẽ tiếp tục tích cực trong những tháng tới, khi quốc gia này là một trong những nước khống chế dịch Covid-19 tốt nhất thế giới.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

| Ngày | Giờ VN | Mức độ ảnh hưởng | Chỉ số kinh tế | Kỳ này | Dự báo | Kỳ trước |
|-------|--------|------------------|---|--------|--------|----------|
| 25-05 | 13:00 | * | GDP chính thức Đức qq Q1 | -1.8 | -1.7 | -1.7 |
| 25-05 | 15:00 | ** | Niềm tin kinh doanh Ifo Đức T5 | 99.2 | 98.2 | 96.6 |
| 25-05 | 20:00 | * | Giá nhà tại Mỹ mm T3 | 1.4 | 1.4 | 1.1 |
| 25-05 | 21:00 | ** | Niềm tin tiêu dùng Mỹ T5 | 117.2 | 119.4 | 117.5 |
| 26-05 | 8:30 | * | Khối lượng công trình xây dựng hoàn thành Úc qq Q1/2021 | 1.9 | | -0.9 |

VN-INDEX



VN-Index tăng lên mức 1.308,58 điểm. Với đà tăng 5 phiên liên tiếp và các đường trung bình động ngắn và trung hạn đang hướng lên trên, hoàn toàn có cơ khả năng để VN-Index hướng đến những mục tiêu xa hơn 1.320-1.340 điểm trong ngắn hạn.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.280 – 1.260

Ngưỡng kháng cự: 1.320 – 1.340

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn